Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6805.30.00

Mã HS	6805.30.00
Mô tả hàng hóa	Bột mài hoặc hạt mài tự nhiên hoặc nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác / - Trên nền bằng vật liệu khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 01:38:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/68053000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10180
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10180
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10180
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9675
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9626
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9626
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9626
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9626
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9626
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9626
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9678
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9678

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9678
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9678
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9678
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9678
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9679
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9679
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9679
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9679
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9679
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9679
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9680
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9632
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9638
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9638
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9638
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9638
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9638
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9638
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9663
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9663
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9663
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9663
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9663
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9663
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9710
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9710

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9710
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9710
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9710
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9710
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9689
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9689
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9689
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9689
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9689
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9689
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9701
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9701
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9701
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9701
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9701
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9701
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D9712
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E9712
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F9712
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9712
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9712
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9712
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D9711
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E9711
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F9711
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9711

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9711
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9711
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9658
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9658
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9658
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9658
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9658
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9658
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9658
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9695
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9695
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9695
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9695
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9695
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9695
RCEP B	2022	2022	0	B!D9695
RCEP B	2023	2023	0	B!E9695
RCEP B	2024	2024	0	B!F9695
RCEP B	2025	2025	0	B!G9695
RCEP B	2026	2026	0	B!H9695
RCEP B	2027	2027	0	B!I9695
RCEP C	2022	2022	0	C!D9695
RCEP C	2023	2023	0	C!E9695
RCEP C	2024	2024	0	C!F9695
RCEP C	2025	2025	0	C!G9695
RCEP C	2026	2026	0	C!H9695

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9695
RCEP D	2022	2022	0	D!D9694
RCEP D	2023	2023	0	D!E9694
RCEP D	2024	2024	0	D!F9694
RCEP D	2025	2025	0	D!G9694
RCEP D	2026	2026	0	D!H9694
RCEP D	2027	2027	0	D!I9694
RCEP E	2022	2022	0	E!D9698
RCEP E	2023	2023	0	E!E9698
RCEP E	2024	2024	0	E!F9698
RCEP E	2025	2025	0	E!G9698
RCEP E	2026	2026	0	E!H9698
RCEP E	2027	2027	0	E!I9698
RCEP F	2022	2022	0	F!D9695
RCEP F	2023	2023	0	F!E9695
RCEP F	2024	2024	0	F!F9695
RCEP F	2025	2025	0	F!G9695
RCEP F	2026	2026	0	F!H9695
RCEP F	2027	2027	0	F!I9695
VIFTA	2024	2024	8	VI!F8970
VIFTA	2025	2025	6	VI!G8970
VIFTA	2026	2026	4	VI!H8970
VIFTA	2027	2027	2	VI!I8970

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6805.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 6805.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10180), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.